TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **47**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 31-3-2026
V/v Tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kiều My.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Dũng, bà Trần Thị Liên.

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Hồng Hà – Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại Toà án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 504/2025/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp về ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lý Thị Minh T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Buôn C, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Trần Trọng T1, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số X đường T, tổ dân phố Y, phường E, tỉnh Đắk Lắk.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đ – Bộ Công an.

(Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lý Thị Minh T trình bày:

Bà Lý Thị Minh T (nguyên đơn) và ông Trần Trọng T1 (bị đơn) kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường E, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 20/11/2017.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Thời gian đầu sau khi kết hôn thì nguyên đơn và bị đơn chung sống hạnh phúc với nhau. Tuy nhiên thời gian gần đây thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị sứt mẽ, thường xuyên xảy ra cãi vả nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Trọng T1 trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường E, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 20/11/2017.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Trong quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn phát sinh mâu thuẫn, cãi vả nhau, không có tiếng nói chung. Nguyên đơn đồng ý ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Lý Thị Minh T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trang được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Bà T và ông T1 không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn, đây là vụ án "Tranh chấp về ly hôn"; bị đơn cư trú tại số X đường T, tổ dân phố Y, phường E, tỉnh Đắk Lắk; Theo quy định tại khoản 1

Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường E, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 20/11/2017.

Theo nguyên đơn và bị đơn trình bày, trong thời gian chung sống với nhau nguyên đơn và bị đơn phát sinh mâu thuẫn, cãi vả nhau, không có tiếng nói chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể kéo dài, cuộc sống chung không đem lại hạnh phúc cho cả hai, không còn yêu thương nhau nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn và bị đơn cũng đồng ý ly hôn với nguyên đơn.

HĐXX xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, đã thể hiện mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cuộc sống chung không đem lại hạnh phúc cho cả hai, mục đích hôn nhân không đạt được, không có ý định hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn và được bị đơn đồng ý nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, nguyên đơn và bị đơn không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm; bị đơn không phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Minh T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị Minh T được ly hôn với ông Trần Trọng T1.

Về con chung: Bà Lý Thị Minh T và ông Trần Trọng T1 không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lý Thị Minh T và ông Trần Trọng T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Lý Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006159 ngày 25 tháng 12 năm 2025.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 1;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- P.THADS Khu vực 1 – Đắk Lắk;
- UBND phường E, tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu Hồ Sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kiều My